

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019
và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019
(các nguồn vốn tỉnh quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau trình Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ Năm thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Kế hoạch đầu tư công năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ Bảy thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch và các quyết định giao kế hoạch vốn chi tiết cho từng danh mục dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện, theo báo cáo của các chủ đầu tư, một số dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và một số dự án chuyển tiếp đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện cần bổ sung vốn để thanh toán; trong khi đó một số dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và một số nguyên nhân như điều chỉnh thiết kế, điều chỉnh tổng mặt bằng nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí. Bên cạnh đó, một số dự án trong quá trình tổ chức đấu thầu có giảm giá so với giá gói thầu được duyệt nên không sử dụng hết kế hoạch vốn đã bố trí và có đề nghị điều chỉnh giảm một phần kế hoạch vốn đã bố trí để điều chỉnh bổ sung cho dự án khác.

Do đó, để đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý).

2.1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019:

a) Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2019 (513.249 triệu đồng).

Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 65.771 triệu đồng từ nguồn dự phòng và các dự án không có nhu cầu giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí để bổ sung kế hoạch vốn 65.771 triệu đồng để bổ sung cho 16 dự án như phụ biểu số 01 kèm theo.

b) Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2019 (763.212 triệu đồng).

Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 63.708 triệu đồng từ nguồn dự phòng và các dự án không có nhu cầu giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí để bổ sung kế hoạch vốn 63.708 triệu đồng để bổ sung cho 12 dự án như phụ biểu số 02 kèm theo.

2.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019:

a) Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2018 chuyển sang năm 2019 (7.163 triệu đồng).

Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2.958 triệu đồng của 06 dự án để bổ sung kế hoạch vốn 2.958 triệu đồng cho 02 dự án như phụ biểu số 03 kèm theo.

b) Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2018 chuyển sang 2019 (50.152 triệu đồng).

Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 9.309 triệu đồng của 20 dự án để bổ sung kế hoạch vốn 9.309 triệu đồng cho 07 dự án như phụ biểu số 04 kèm theo.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý), Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, TC (VIC);
- Phòng TH;
- Lưu: VT. Tr 04/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý).

2. Quan điểm chỉ đạo

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thực hiện của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Chủ đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết, sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan; kết quả có 17/25 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời có một số ý kiến đóng góp liên quan đến bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn đã bố trí và đã hoàn chỉnh dự thảo các văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp để thảo luận, biểu quyết nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý) có 03 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên bổ sung vốn thanh toán cho các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, các dự án chuyển tiếp đang đẩy nhanh tiến độ nhưng chưa bố trí đủ kế hoạch vốn để thanh toán, các dự án khởi công mới đã giải ngân hết kế hoạch vốn và có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Trên cơ sở nguyên tắc điều chỉnh kế hoạch vốn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn tỉnh quản lý) như sau:

PHỤ BIỂU SỐ 01

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 62/TT-UBND ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



DVT: Triệu đồng.

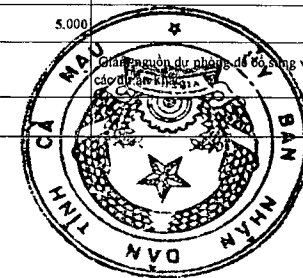
TT	2	3	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chú đầu tư	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSD	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSD										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			6.099.791	2.806.305	3.939.371	2.097.088	813.438	697.438	513.249	65.771	65.771	513.249		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN			1.564.293	204.573	653.760	140.760	106.128	46.128	26.342	11.497	-	37.839		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			1.479.748	120.028	607.993	119.993	99.928	44.928	19.042	11.497	-	30.539		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau	7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	33.580	33.580	15.844	15.844	4.000			4.000		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948	28.290	28.290	3.500	3.500	5.000			5.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	25.000	26.623	26.623	12.126	12.126	6.000	8.497		14.497	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành hạng mục công trình cống Kênh 25 và thanh toán chi phí khác. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn 2016-2020 từ 25.000 triệu đồng tăng lên 26.623 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	12.000	500.000	12.000	55.000	-		3.000		3.000	Bổ sung vốn để chi trả bồi thường, GPMB	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	12.500	12.500	12.500	11.458	11.458	1.042			1.042		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2 (Ngân sách tỉnh bổ trợ 07 tỷ đồng tại Công văn số 6460/UBND-XD ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh)	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000	7.000	7.000	2.000	2.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			84.545	84.545	45.767	20.767	6.200	1.200	7.300	-	-	7.300		
1	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ương cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867	7.867	7.867			2.000			2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.358	75.358	36.600	11.600	6.200	1.200	4.000			4.000		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
3	Nhà làm việc Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Vườn Quốc gia Môi Cà Mau	7744369	431/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	1.320	1.320	1.300	1.300			1.300			1.300		Vườn Quốc gia Môi Cà Mau
B	GIAO THÔNG			2.480.416	921.308	1.705.503	377.751	187.245	131.245	78.680	24.000	-	102.680		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			2.411.051	851.943	1.636.138	308.386	187.045	131.045	65.680	24.000	-	89.680		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	89.981	89.981	31.045	31.045	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rach Ràng - Sông Đốc)	7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	593.000	1.421.792	160.000	100.000	100.000	45.000			45.000		Sở Giao thông Vận tải

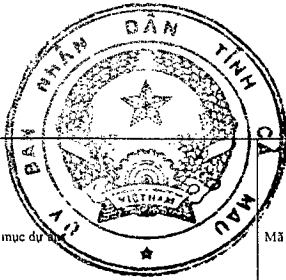
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)	Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD												
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)	7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	657.270	113.550	3.800	3.800	-	-	3.800	-	3.800		Sở Giao thông vận tải			
4	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án LRAMP	7737506	596/QĐ-BTL ngày 04/4/2017	2.687	2.687	1.880	1.880	-	-	1.880	-	1.880		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
5	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông nối từ đường Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm	7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	37.725	103.685	37.725	56.000	-	19.000	-	19.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành. Đồng thời điều chỉnh KHV trung hạn giai đoạn 2016-2020 bố trí cho dự án tăng từ 8.300 triệu đồng lên 37.725 triệu đồng theo cơ cấu nguồn vốn được phê duyệt	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
6	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình	7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000	15.000	15.000	-	-	5.000	5.000	10.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
II Dự án khởi công mới năm 2019																	
				69.365	69.365	69.365	69.365	200	200	13.000	-	13.000					
1	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiếm Lâm, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964	14.964	14.964	200	200	5.000	-	5.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân			
2	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401	54.401	54.401	-	-	8.000	-	8.000	Bổ sung vốn để triển khai gói thầu xây lắp	Ban QLDA xây dựng công trình Giao thông			
C HẠ TẦNG ĐÓ THỊ				442.455	437.393	331.614	331.614	73.889	73.889	77.087	2.425	-	79.512				
I Dự án chuyển tiếp				382.701	377.639	271.860	271.860	73.889	73.889	61.087	2.425	-	63.512				
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Quảng trường văn hóa trung tâm tỉnh Cà Mau	7004105	620/QĐ-UBND ngày 26/4/2013; 1674/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	124.200	123.502	36.853	36.853	25.000	25.000	11.853	-	11.853		Sở Giao thông vận tải			
2	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301	172.171	172.171	19.838	19.838	30.000	-	30.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
3	Nâng cấp, mở rộng đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đồi Vàm, ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cống Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7544671	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644	39.280	39.280	39.280	20.229	20.229	10.000	2.425	12.425	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước			
4	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7608568	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694	8.694	8.694	4.822	4.822	3.872	-	3.872		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân			
5	Dự án đầu tư xây dựng đường nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862	14.862	14.862	4.000	4.000	5.362	-	5.362		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
II Dự án khởi công mới năm 2019				59.754	59.754	59.754	59.754	-	-	16.000	-	16.000					
1	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tãi chính đến cầu Đền thờ Bắc Hố)	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886	10.886	10.886	-	-	4.000	-	4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước			
2	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huế), huyện Ngọc Hiển	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310	8.310	8.310	-	-	4.000	-	4.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
3	Dự án đường nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	7565716	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558	40.558	40.558	-	-	8.000	-	8.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
D HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP				475.623	127.363	112.046	112.046	55.359	55.359	28.687	5.541	-	34.228				
I Dự án chuyển tiếp				475.623	127.363	112.046	112.046	55.359	55.359	28.687	5.541	-	34.228				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Khu Kinh tế Nấm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7457160	1505/QĐ-UBND ngày 07/10/2014	386.956	38.696	28.296	28.296	-	-	10.296	-	10.296		Ban Quản lý Khu kinh tế			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính Bắc Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 1)	7565746	1392/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	48.764	48.764	43.888	43.888	26.000	26.000	13.323	5.541	18.864	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 7.888 triệu đồng; đã điều chỉnh bổ sung 5.435 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau). Nay bổ sung thêm 5.541 triệu đồng để thanh toán khối lượng hoàn thành. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 43.888 triệu đồng lên 44.864 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Ban Quản lý Khu kinh tế	
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	7565739	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	13.841	13.800	13.800	9.000	9.000	2.378		2.378	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 4.800 triệu đồng; đã điều chỉnh giảm 2.422 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)	Ban Quản lý Khu kinh tế	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Khánh An (hạng mục hệ thống thoát nước đường N1)	7320310	939/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 119/QĐ-SXD ngày 23/5/2016	26.062	26.062	26.062	26.062	20.359	20.359	2.690		2.690	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 5.703 triệu đồng; đã điều chỉnh giảm 3.013 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)	Ban Quản lý Khu kinh tế	
E KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				75.864	74.333	64.916	63.385	27.380	27.380	20.651	2.800	-	23.451		
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>				<i>68.936</i>	<i>67.405</i>	<i>57.988</i>	<i>56.457</i>	<i>27.180</i>	<i>27.180</i>	<i>17.151</i>	-	-	<i>17.151</i>		
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm ứng dụng khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái nước ngọt	7472270	1139/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	29.473	29.473	18.525	18.525	9.740	9.740	8.785		8.785	Sở Khoa học và Công nghệ		
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020	7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990	26.521	24.990	9.990	9.990	5.000		5.000	Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau		
3	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942	12.942	12.942	7.450	7.450	3.366		3.366	Sở Thông tin và Truyền thông		
<i>II Dự án khởi công mới năm 2019</i>				<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>3.500</i>	<i>2.800</i>	-	<i>6.300</i>		
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"	7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928	6.928	6.928	200	200	3.500	2.800	6.300	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác QLNN và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	
G KHỐI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC				803.389	798.853	715.558	715.558	227.547	227.547	162.882	7.696	1.574	169.004		
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>				<i>565.168</i>	<i>560.632</i>	<i>487.316</i>	<i>487.316</i>	<i>225.770</i>	<i>225.770</i>	<i>98.156</i>	-	<i>1.574</i>	<i>96.582</i>		
1	Trụ sở liên cơ quan huyện Phú Tân giai đoạn 3	7275486	1057/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	53.569	53.569	36.087	36.087	27.087	27.087	9.167		9.167	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	29.178	29.178	22.845	22.845	6.333		6.333	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227	389.000	389.000	151.238	151.238	75.883		75.883	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
4	Trụ sở làm việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, huyện Năm Căn	7567508	143/QĐ-SXD ngày 16/6/2016	6.860	6.860	6.174	6.174	4.600	4.600	1.574	1.574		Đã quyết toán dự án hoàn thành, không có nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510	12.510	12.510	8.000	8.000	3.259		3.259	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
6	Cải tạo, mở rộng Trụ sở UBND - UBND huyện Trần Văn Thời	7610808	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	14.637	14.367	14.367	12.000	12.000	1.940		1.940	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
<i>II Dự án khởi công mới năm 2019</i>				<i>238.221</i>	<i>238.221</i>	<i>228.242</i>	<i>228.242</i>	<i>1.777</i>	<i>1.777</i>	<i>64.726</i>	<i>7.696</i>	-	<i>72.422</i>		
1	Xây dựng mới cổng, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau	7705952	597/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; 122/QĐ-SXD ngày 15/5/2019 (đ/c)	1.652	1.652	1.489	1.489	-	-	826	663	1.489	Bổ sung vốn thanh toán phần phát sinh. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 1.400 triệu đồng lên 1.489 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
2	Mở rộng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	7655288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017	2.534	2.534	2.500	2.500	-	-	2.400			2.400		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908	14.433	14.433	577	577	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.617	8.617	8.617	8.617	200	200	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
5	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	7679836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897	14.897	14.897	-	-	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
6	Trụ sở hành chính phường I, thành phố Cà Mau	7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.557	13.557	13.557	13.557			8.000			8.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
7	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920	14.920	14.920	200	200	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
8	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485	14.485	14.485			4.000	2.000		6.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Hội trường và Khôi đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7724751	400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742	7.742	7.742	200	200	3.500	3.033		6.533	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
10	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285	7.285	7.285	200	200	3.000	2.000		5.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
11	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554	4.554	4.554	200	200	2.000			2.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
12	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930	14.930	14.930			4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	7673320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	36.415	36.415	200	200	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704	14.704	14.704			4.000			4.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	7573814	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127	57.714	57.714			5.000			5.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
H AN NINH - QUỐC PHÒNG				257.751	242.483	143.714	143.714	58.068	58.068	61.153	10.862	12.872	59.143		
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			161.462	146.194	55.391	55.391	31.391	31.391	24.000	-	-	24.000		
a)	Dự án chuyển tiếp			161.462	146.194	55.391	55.391	31.391	31.391	24.000	-	-	24.000		
1	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau	7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927	41.400	41.400	21.400	21.400	20.000			20.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn (Ngân sách địa phương hỗ trợ 15.267 tỷ đồng)	7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267	13.991	13.991	9.991	9.991	4.000			4.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			79.583	79.583	71.697	71.697	24.869	24.869	22.653	8.948	8.872	22.729		
a)	Dự án chuyển tiếp			49.886	49.886	44.970	44.970	24.869	24.869	12.653	8.948	8.872	12.729		
1	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 (đ/c)	49.157	49.157	44.241	44.241	24.869	24.869	3.128	8.872		12.000	Bổ sung thêm 8.872 triệu đồng từ nguồn dự phòng để triển khai đầu tư các trụ sở làm việc công an xã. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 30.127 triệu đồng lên 44.241 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Công an tỉnh Cà Mau
2	Phương án hỗ trợ giải phòng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Đồn Công an Đái Mũi, huyện Ngọc Hiển	7004692	2132/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; 211/QĐ-UBND ngày 08/02/2018; 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2019	729	729	729	729			653	76		729	Bổ sung vốn để chi trả bồi thường, GPMB (Phương án hỗ trợ giải phòng mặt bằng đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2019)	Công an tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)	Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD											Tăng (+)	Giảm (-)
3	Dự phòng								8.872		8.872		Điều chỉnh giảm để bổ sung cho Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã				
	<i>b) Dự án khởi công mới năm 2019</i>			29.697	29.697	26.727	26.727	-	-	10.000	-	-	10.000				
1	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697	26.727	26.727	-	-	10.000			10.000	Công an tỉnh Cà Mau			
3	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			16.706	16.706	16.626	16.626	1.808	1.808	14.500	1.914	4.000	12.414				
	<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>			11.710	11.710	11.630	11.630	1.448	1.448	8.000	914	-	8.914				
1	Dự án đóng mới 02 tàu phục vụ hoạt động các lực lượng trên đảo Hòn Khoai	7004686	525/QĐ-SXD ngày 21/10/2016	5.230	5.230	5.230	5.230	962	962	3.000			3.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau			
2	Xây dựng nơi Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi	7004686	392/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	6.480	6.480	6.400	6.400	486	486	5.000	914		5.914	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
	<i>b) Dự án khởi công mới năm 2019</i>			4.996	4.996	4.996	4.996	360	360	6.500	1.000	4.000	3.500				
1	Xây dựng nơi Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến	7004686	251/QĐ-SXD ngày 13/6/2017	4.996	4.996	4.996	4.996	360	360	2.500	1.000		3.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
2	Dự phòng									4.000		4.000	-				
K	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					2.392	2.392	-	-	1.442	950	-	2.392				
1	Bờ kè từ cống Rạch Ráng đến trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời	7635201	221/QĐ-SXD ngày 25/5/2017			152	152			152			152	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi	7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
3	Dự án đầu tư, mở rộng đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Hòa Trung)	7649232	1880/UBND-XD ngày 13/3/2017			205	205			205			205	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), huyện Phú Tân	7603666	1807/UBND-XD ngày 30/10/2017			235	235			235			235	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
5	Dự án đầu tư xây dựng cầu bắc qua sông Cái Tàu, huyện U Minh	7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016			50	50			50			50	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
6	Dự án đầu tư xây dựng mới cầu Trảng Cò và cầu Rạch Ruộng, huyện Trần Văn Thời	7650354	15/HĐND-TT ngày 23/01/2017			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
7	Dự án đầu tư nạo vét sông Cái Tàu, huyện U Minh	7597290	1864/QĐ-UBND ngày 28/10/2016			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau			
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)		1646/QĐ-UBND ngày 27/9/2016			200	200			200			200	Sở Khoa học và Công nghệ			
9	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát biên phòng Đá Bạc, Bò Đé, Hố Giúi và Khánh Hội		1758/QĐ-UBND ngày 30/10/2018			950	950				950		950	Bổ sung vốn thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
L	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN					28.453	28.453	20.453	20.453	5.000			5.000	Sở Tài chính phân khai thực hiện			
M	DỰ PHÒNG					181.415	181.415	57.369	57.369	51.325		51.325		Giải ngân dự phòng để bổ sung vốn cho các dự án khác			



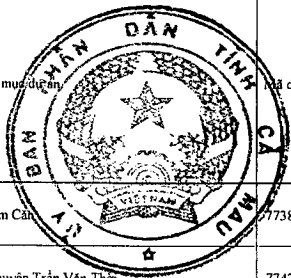


PHỤ BIỂU SỐ 02
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2019
(Kèm theo Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

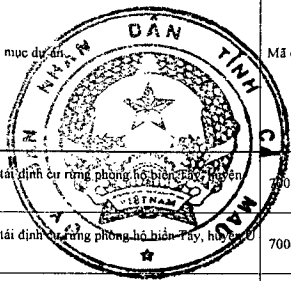
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG SỐ				5.245.117	2.219.610	2.170.459	2.121.760	705.977	705.977	763.212	63.708	63.708	763.212		
A	LĨNH VỰC Y TẾ			1.203.366	651.537	510.813	490.813	219.668	219.668	164.320	10.210	930	173.600		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			1.070.482	538.653	386.549	386.549	219.068	219.068	119.320	10.210	930	128.600		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	202.496	202.496	121.368	121.368	111.638	111.638	10.000		930	9.070	Còn vướng GPMB	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	474.268	128.011	61.883	61.883	45.883	45.883	16.000			16.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Hiển	7002173	1761/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	136.965	35.000	35.000	35.000			25.000	10.000		35.000	Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu hoàn thành trong năm 2019	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau (Ngân sách trung ương hỗ trợ 56,946 triệu đồng)	7570996	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.956	59.087	59.087	59.087	1.700	1.700	30.000			30.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407	43.566	43.566	18.822	18.822	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
6	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	67.383	60.645	60.645	60.645	38.325	38.325	22.320			22.320		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
7	Sửa chữa một số hạng mục công trình tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7644558	432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.007	5.007	5.000	5.000	2.700	2.700	1.000	210		1.210	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<i>11</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			132.884	112.884	124.264	104.264	600	600	45.000	-	-	45.000		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020			113.527	93.527	104.907	84.907	600	600	27.000			27.000		
	<i>Trong đó:</i>														
1.1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198	77.578	77.578	300	300	20.000			20.000	Phân khai bố trí từ dự phòng lĩnh vực y tế	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
1.2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2016-2020	7684304	1315/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	27.329	7.329	27.329	7.329	300	300	7.000			7.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống máy lạnh trung tâm, khí sạch phòng mổ, mở rộng Khoa Hồi sức tích cực và chống độc, mua máy lọc thận nhân tạo	7708611	1228/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	19.357	19.357	19.357	19.357			18.000			18.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			729.585	724.237	722.505	722.505	201.954	201.954	272.360	8.600	4.761	276.199		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			140.028	134.680	132.948	132.948	73.690	73.690	51.360	4.000	1.261	54.099		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
1	Khởi 10 phòng học và Khu hiệu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675	14.675	14.675	9.380	9.380	5.295		5.295		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau	7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	53.479	48.131	48.131	48.131	38.310	38.310	9.821		1.261	8.560	Điều chỉnh thay đổi thiết kế tiết giảm chi phí đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THCS - THPT Vàm Đình, huyện Phú Tân	7618679	1814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	17.325	17.325	15.593	15.593	4.000	4.000	11.593				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651	13.651	13.651	8.500	8.500	5.151				Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
5	Trường THCS Trần Quốc Toàn, xã Thanh Phú, huyện Cái Nước	7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	14.930	14.930	4.000	4.000	5.000	4.000	9.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
6	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998	14.998	14.998	4.000	4.000	10.000				Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
7	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970	10.970	10.970	5.500	5.500	4.500				Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
II	Dự án khởi công mới năm 2019			589.557	589.557	589.557	589.557	128.264	128.264	221.000	4.600	3.500	222.100		
1	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển đạt chuẩn quốc gia	7712842	1760/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	16.031	16.031	16.031	16.031			5.000			5.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia	Nhiều công trình		573.526	573.526	573.526	573.526	128.264	128.264	216.000	4.600	3.500	217.100		
	<i>Trong đó:</i>														
2.1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	7707936	307/QĐ-SXD ngày 19/10/2018	7.178	7.178	7.178	7.178	-	-	6.000	700		6.700	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2.2	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864	14.864	14.864	-	-	12.000			12.000	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.3	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	22.898	22.898	20.690	20.690	-	-	15.000	1.000		14.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2.4	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	11.352	11.352	11.352	11.352	-	-	9.000	1.000		10.000	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2.5	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272	13.272	13.272	-	-	11.000			11.000	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.6	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678	13.678	13.678	-	-	10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.7	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999	12.999	12.999	-	-	9.000			9.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.8	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, huyện Cái Nước	7743388	397/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.994	14.994	14.994	14.994	-	-	10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.9	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước	7737099	4014/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.312	7.312	7.312	7.312	-	-	5.000			5.000	Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước (theo Công văn số 8374/UBND-XD ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Cà Mau)	



TT	Danh mục dự án đầu tư	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số		Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
2.10	Trường Mầm non Sao Mai, huyện Năm Căn	7738938	509/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.990	14.990	14.990	14.990		10.000			10.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn (theo Công văn số 8799/UBND-XD ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh Cà Mau)	
2.11	Trường Trung học cơ sở Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	7742164	344/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	12.920	12.920	12.920	12.920		9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
2.12	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.857	11.857	11.857	11.857		9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
2.13	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7748378	399/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.970	14.970	14.970	14.970		12.000	2.900		14.900	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
2.14	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Đát Mũi, huyện Ngọc Hiển	7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.484	5.484	5.484	5.484		5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
2.15	Trường Trung học cơ sở Bông Ván Dĩa, huyện Ngọc Hiển	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.609	12.609	12.609	12.609		10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
2.16	Trường Trung học cơ sở Việt Khải, huyện Phú Tân	7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925	9.925	9.925		9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
2.17	Trường Trung học cơ sở Đặng Tấn Trích, huyện Phú Tân	7724329	298/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	11.190	11.190	11.190	11.190		10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
2.18	Trường Trung học cơ sở Tân Lộc Bắc, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	7721528	345/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	8.114	8.114	8.114	8.114		7.000		500	6.500	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.19	Trường Trung học cơ sở Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình	7724331	368/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.699	14.699	14.699	14.699		13.000		1.000	12.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.20	Trường Trung học cơ sở Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693	14.693	14.693		12.000			12.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.21	Trường Trung học cơ sở Biển Bạch, huyện Thới Bình	7724330	357/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.099	14.099	14.099	14.099		13.000		1.000	12.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.22	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhị, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.742	14.742	14.742	14.742		5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
2.23	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112	14.112	14.112		5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			169.213	145.856	141.399	117.135	60.355	47.221	7.398		18.852	35.767		
I	Dự án chuyển tiếp			149.492	126.135	126.228	101.964	59.776	39.790	2.398		18.805	23.383		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)	7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	20.216	20.216	15.430	4.786		4.786			Vương GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Dự án đầu tư "Mua sắm trang thiết bị hệ thống sản xuất chương trình phát thanh truyền hình chuẩn HD"	7664967	1804/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	35.045	33.045	35.045	32.138	15.000	14.740	2.398		17.138	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện hoàn thành theo dự án. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 29.740 triệu đồng lên 32.138 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	
3	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau (NSTW hỗ trợ 10 tỷ đồng)	7618943	395/QĐ-SXD ngày 02/10/2017	12.460	1.460	12.460	1.460	-	1.460			1.460		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tại Ấc Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	43.365	43.365	29.346	29.346	14.019		14.019	Do điều chỉnh tổng mặt bằng, điều chỉnh thiết kế, điều kiện thi công khó khăn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Trần Văn Thời (Ngân sách tỉnh đầu tư nền đất, phủ diêu)	7011808	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	15.142	4.785	15.142	4.785			4.785		4.785		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
II	Dự án khởi công mới năm 2019			19.721	19.721	15.171	15.171	579	579	7.431	5.000	47	12.384		
1	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	7682980	55/QĐ-SXD ngày 05/4/2018	1.511	1.511	1.511	1.511	79	79	1.431		47	1.384	Do không sử dụng khoản dự phòng công trình, chỉ thanh toán thực tế theo khối lượng hoàn thành nên đề nghị giảm 47 triệu đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210	13.660	13.660	500	500	6.000	5.000		11.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			3.142.953	697.980	430.769	426.334	180.382	180.382	185.263	22.500	31.000	176.763		
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới			389.212	249.746	247.591	243.156	110.332	110.332	93.020	17.000	-	110.020		
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>344.862</i>	<i>209.831</i>	<i>203.241</i>	<i>203.241</i>	<i>110.132</i>	<i>110.132</i>	<i>84.020</i>	-	-	<i>84.020</i>		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển (Hạng mục đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diêu xã Tân Ân)	7003165	222/QĐ-UBND ngày 06/02/2015; 1049/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	112.601	31.942	31.942	31.942	22.042	22.042	9.900			9.900	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
2	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990	71.990	71.990	46.990	46.990	20.000			20.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
3	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889	14.889	14.889	14.889	5.500	5.500	9.300			9.300	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
4	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7657727	580/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	10.145	10.145	10.145	10.145	4.000	4.000	6.145			6.145	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
5	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7640724	392/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2017	14.958	14.958	14.958	14.958	4.600	4.600	10.358			10.358	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
6	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7638797	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.164	44.164	39.748	39.748	27.000	27.000	12.748			12.748	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
7	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	21.743	21.743	19.569	19.569			15.569			15.569	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
<i>b)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>44.350</i>	<i>39.915</i>	<i>44.350</i>	<i>39.915</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>9.000</i>	<i>17.000</i>	-	<i>26.000</i>		
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến đám Thị Tương, huyện Trần Văn Thời	7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	39.915	44.350	39.915	200	200	9.000	17.000		26.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ dự án	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu			2.753.741	448.234	183.178	183.178	70.050	70.050	92.243	5.500	31.000	66.743		
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>1.593.364</i>	<i>418.474</i>	<i>165.994</i>	<i>165.994</i>	<i>70.050</i>	<i>70.050</i>	<i>83.343</i>	<i>5.500</i>	<i>23.500</i>	<i>65.343</i>		
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343	11.343	11.343	8.000	8.000	3.343			3.343	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau	7006150; 7006177	Nhiều Quyết định	252.480	252.480	-	-	14.750	14.750	15.000	5.500	5.500	15.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó riêng:</i>														



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
2.1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Bạc Liêu, huyện Trần Văn Thời	7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711			14.750	14.750	7.000		7.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
2.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh	7006150	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083	63.083					8.000		5.500	2.500	Do thay đổi thiết kế và cắt giảm mật số hàng mục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
2.3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân	7006162	1341/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	69.701	69.701						4.200		4.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành các gói thầu đang triển khai thi công	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
2.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	46.985						1.300		1.300	Thanh toán khối lượng hoàn thành các gói thầu đang triển khai thi công	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
3	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651	64.651	64.651	28.000	28.000	30.000			30.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
4	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đê phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững DBSCL - ICRSL"	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000	90.000	90.000	19.300	19.300	35.000		18.000	17.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b)	Dự án khởi công mới năm 2019			1.160.377	29.760	17.184	17.184	-	-	8.900		-	7.500	1.400	
1	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	929.412	1.200	900	900	-	-	900			900		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức		5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	28.560	16.284	16.284	-	-	8.000		7.500	500		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
E	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					2.727	2.727	-	-	2.727		-	2.727		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau		323/QĐ-UBND ngày 20/5/2004			892	892			892			892		Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I - Bắc Cà Mau		1750/UBND-XD ngày 21/5/2009			197	197			197			197		Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Dự án đầu tư xây dựng đê biển Đông tỉnh Cà Mau		1600/UBND-XD ngày 17/10/2011			317	317			317			317		Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu du lịch Khai Long, huyện Ngọc Hiển		3054/UBND-XD ngày 20/8/2008			72	72			72			72		Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Dự án đầu tư xây dựng đê cửa sông Bảy Háp		1089/UBND-XD ngày 29/3/2011			96	96			96			96		Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm thủy sản thuộc Trường cao đẳng Cộng. đồng Cà Mau		1317/UBND-XD ngày 09/9/2015			31	31			31			31		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Cà Mau
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình nạo vét cửa biển Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân		1820/QĐ-UBND ngày 24/10/2016			410	410			410			410		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Cà Mau
8	Trụ sở hành chính xã Hiệp Túc, huyện Năm Căn		1764/QĐ-UBND ngày 24/10/2017			712	712			712			712		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
G	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN					5.512	5.512	4.304	4.304	15.000		15.000	30.000	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng cho các dự án sau quyết toán, đẩy nhanh tất toán các dự án	Sở Tài chính phân khai sử dụng
H	DỰ PHÒNG (10%)					356.734	356.734	39.314	39.314	76.321		8.165	68.156		

PHỤ BIỂU SỐ 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2018 SANG NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

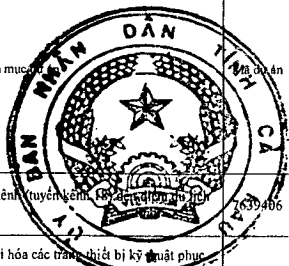
ĐVT: Triệu đồng.



TT	Danh mục đầu tư	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Chỉ chủ	Chủ đầu tư	
			Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTS DD	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTS DD			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			783.034	511.043	228.958	223.948	7.163	7.163	2.958	2.958	7.163	7.163		
I	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559	-	559	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiêu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	GIAO THÔNG			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430	-	430	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430		430	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2015			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430		430	-	-		
1	Cầu Rạch Ruộng Nhỏ, huyện Trần Văn Thời	7006700	966/QĐ-UBND ngày 18/6/2008; 1307/QĐ-UBND ngày 25/8/2011	123.574	115.101	3.771	3.771	430	430		430	-	-		Sở Giao thông vận tải
III	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933	-	933	-	-		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		Sở Thông tin và Truyền thông
IV	VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh hạ	7047679	1445/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 325/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
V	KHÔI ĐÁNG, NHÀ NƯỚC			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		
1	Trụ sở Hội Nông dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau	7463318	1657/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	39.882	34.231	16.099	16.099	103	103		103				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường và Đội Quản lý thị trường thành phố Cà Mau	7567509	1868/QĐUBND ngày 28/10/2016	19.193	14.183	19.193	14.183			1.840		1.840	1.840	Đổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
VI	AN NINH - QUỐC PHÒNG			291.615	291.615	101.437	101.437	2.596	2.596			2.596	2.596		
*	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
1	Trụ sở xã đội, phường đội, thị đội trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004686	112/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 (điều chỉnh)	109.565	109.565	12.734	12.734	1.985	1.985			1.985	1.985		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau (chỉ triển khai các hạng mục công trình trong phạm vi kế hoạch vốn bố trí)	7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927	41.400	41.400	9	9			9	9		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
*	Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
1	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	33.475	33.475	30.127	30.127	577	577			577	577		Công an tỉnh Cà Mau
*	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
1	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Gốc	7004686	40/QĐ-SXD ngày 23/3/2016	6.456	6.456	6.400	6.400	10	10			10	10		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
2	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Sông Đốc	7004686	325/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	5.286	5.286	4.870	4.870	11	11			11	11		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
3	Nhà ở chiến sỹ mới Đại đội huấn luyện thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	7004686	334/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	5.906	5.906	5.906	5.906	4	4			4	4		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
IX	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					32.734	32.734	662	662	-	1	661	661		Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh UBND tỉnh
1	03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh Ủy	7673320	30/QĐ-HĐND ngày 27/12/2017					1	1		1	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		1764/QĐ-UBND ngày 24/10/2017					200	200			200	200		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước		1323/QĐ-UBND ngày 27/7/2017					80	80			80	80		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Dự án đầu tư xây dựng khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)	7693905	1646/QĐ-UBND ngày 27/9/2016					55	55			55	55		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Danh mục	Số dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTS ĐĐ	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTT&NTS ĐĐ
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ										
5	Nâng cấp tuyến đường từ cầu 7 Kênh (tuyến kênh R8) tại thôn Phú Sinh xã Phú Mỹ huyện Tân Phú tỉnh Cà Mau	639406	1418/QĐ-UBND ngày 18/8/2017					11	11			11	11	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
6	Dự án Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trạm xử lý kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường nội địa tại thành phố Cà Mau giai đoạn 2018 - 2020		1801/QĐ-UBND ngày 30/10/2017					200	200			200	200	Sở Tài nguyên và Môi trường	
7	Dự án Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau		372/UBND-MT ngày 30/01/2011					100	100			100	100	Sở Tài nguyên và Môi trường	
8	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	7626030	1803/QĐ-UBND ngày 30/10/2017					15	15			15	15	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	
X	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TÓN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN							1.098	1.098	-	932	166	166		





PHỤ BIỂU SỐ 04
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2018 CHUYỂN SANG NĂM 2019

(Kèm theo Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

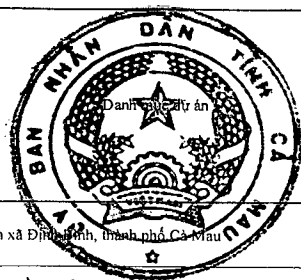
TT	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xổ sổ kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xổ sổ kiến thiết			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT									
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG SỐ				4.525.476	1.297.116	50.152	50.152	9.309	9.309	50.152	50.152		
1	LĨNH VỰC Y TẾ			921.899	250.587	3.768	3.768	-	215	3.553	3.553		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			816.528	170.303	1.276	1.276	-	215	1.061	1.061		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			816.528	170.303	1.276	1.276	-	215	1.061	1.061		
1	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 (đ/c)	474.268	112.011	16	16		16				Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Đầm Dơi	7003533	1930/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	181.312	4.961	199	199		199				Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Năm Căn	7008896	1925/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	160.948	53.331	1.061	1.061	-	-	1.061	1.061		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			105.371	80.284	2.492	2.492	-	-	2.492	2.492		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			105.371	80.284	2.492	2.492	-	-	2.492	2.492		
1	Mua sắm hệ thống chụp mạch xóa nềnDSA cho Bệnh viện đa khoa Cà Mau (trong đó nguồn thu từ viện phí, phí dịch vụ y tế: 2,5 tỷ đồng, còn lại là vốn NSNN)	7580551	1399/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	37.988	19.639	771	771	-	-	771	771		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	67.383	60.645	1.721	1.721	-	-	1.721	1.721		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			243.215	243.215	2.964	2.964	1.318	1.634	2.648	2.648		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			162.968	162.968	-	-	1.318	-	1.318	1.318		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			162.968	162.968	-	-	1.318	-	1.318	1.318		
1	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau (cơ sở 2)	7034499	1870/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	162.968	162.968			1.318		1.318	1.318	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hạng mục: đường tạm, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, PCCC, chống sét. Đồng thời, điều chỉnh KH vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Dự án ban đầu từ 9.359 triệu đồng lên 12.035 triệu đồng (không vượt TMBT được duyệt).	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xã số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xã số kiến thiết		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			80.247	80.247	2.964	2.964	-	1.634	1.330	1.330		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			80.247	80.247	2.964	2.964	-	1.634	1.330	1.330		
1	Khởi 10 phòng học và khu hiệu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675	100	100	-	100	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651	1.525	1.525	-	1.525	-	-	Giám giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998	93	93	-	-	93	93		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970	1.102	1.102	-	-	1.102	1.102		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	Nhiều Quyết định	17.200	17.200	9	9	-	9	-	-		Các đơn vị trường học được bố trí vốn sửa chữa
6	Sửa chữa, cải tạo công trình trụ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau thành Trường THPT Nguyễn Việt Khái	7677018	427/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	8.753	8.753	135	135	-	-	135	135		Sở Giáo dục và Đào tạo
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
1	Đền thờ 10 Anh hùng Liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	7231951	1867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	40.886	40.886	99	99	-	-	99	99		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Đổi ứng Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau - giai đoạn 2 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		905/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	185.885	19.421	-	-	-	-	-	-		Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất phân khai chi tiết
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	9.173	9.173	-	2.871	6.302	6.302		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Sửa chữa một phần khán đài B thuộc sân vận động tỉnh làm nhà nghỉ cho vận động viên năng khiếu	7655289	430/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	2.535	2.535	9	9	-	9	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			3.084.188	693.604	32.515	32.515	7.991	4.568	35.938	35.938		
I	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới			708.565	350.473	7.601	7.601	3.367	402	10.566	10.566		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			584.220	226.864	4.100	4.100	210	386	3.924	3.924		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			584.220	226.864	4.100	4.100	210	386	3.924	3.924		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7008874	1310/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	114.749	50.750	505	505	210	-	715	715		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn



TT	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT									
2	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân An, huyện Đầm Dơi	7021553	1201/QĐ-UBND ngày 20/8/2008; 1044/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	249.113	93.232	2.649	2.649	-	-	2.649	2.649	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
3	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi	7021576	295/QĐ-UBND ngày 07/5/2007; 808/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	93.996	32.882	386	386		386	-	-	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	50.000	560	560	-	-	560	560	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			124.345	123.609	3.501	3.501	3.157	16	6.642	6.642		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			124.345	123.609	3.501	3.501	3.157	16	6.642	6.642		
1	Cầu qua sông Rạch Góc, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	7546546	1651/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	36.259	36.259	249	249	2.000	-	2.249	2.249	Thanh toán hàng mục diện chiếu sáng và mở rộng mặt đường	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Xây dựng mới cầu Nhà Diêu; duy tu, sửa chữa cầu Dinh Han trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7586950	457/QĐ-SGTVT ngày 14/9/2016	14.861	14.861	271	271	-	-	271	271	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Tuyến đường đẩu nối từ cầu qua sông Rạch Góc đến cầu Nhà Diêu, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889	14.889	989	989	-	-	989	989	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn (xây dựng mới 03 cầu Xi Tẹt, Trung Đoàn, Công An)	7562293	1741/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; 1158/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	43.736	43.000	1.976	1.976	1.157		3.133	3.133	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Sửa chữa mặt đường BTCT hiện hữu, mở rộng 01 m đoạn từ Km5+600 - Km9+810 và bãi đậu xe tại xã Trần Phần thuộc dự án đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7555458	530/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	14.600	14.600	16	16	-	16	-	-	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
II	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu			2.264.984	233.062	20.103	20.103	-	122	19.981	19.981		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			1.464.481	122.938	6.483	6.483	-	122	6.361	6.361		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			1.464.481	122.938	6.483	6.483	-	122	6.361	6.361		
1	Đổi ứng Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng X - Nam Cà Mau)	7148575	1055/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; 1498/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	705.700	46.595	6.250	6.250	-	-	6.250	6.250	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343	118	118	-	118	-	-	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trong đó: vốn xố số kiến thiết
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
3	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau		Nhiều Quyết định	445.735	65.000	115	115	-	4	111	111	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh (Điểm dân cư vàm kênh Hương Mai)</i>	7006150	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083		4	4	-	4	-	-	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn</i>	7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985		111	111	-		111	111	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			800.503	110.124	13.620	13.620	-	-	13.620	13.620		
a)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020</i>			<i>20.124</i>	<i>20.124</i>	<i>1.464</i>	<i>1.464</i>	-	-	<i>1.464</i>	<i>1.464</i>		
1	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	295/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	20.124	20.124	1.464	1.464	-	-	1.464	1.464	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình phân khai	
b)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>			<i>780.379</i>	<i>90.000</i>	<i>12.156</i>	<i>12.156</i>	-	-	<i>12.156</i>	<i>12.156</i>		
1	Đối ứng Tiểu Dự án 8 thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	780.379	90.000	12.156	12.156	-	-	12.156	12.156	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Đề án xây dựng trụ sở hành chính cấp xã			110.639	110.069	4.811	4.811	4.624	4.044	5.391	5.391		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			110.639	110.069	4.811	4.811	4.624	4.044	5.391	5.391		
a)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020</i>			<i>110.639</i>	<i>110.069</i>	<i>4.811</i>	<i>4.811</i>	<i>4.624</i>	<i>4.044</i>	<i>5.391</i>	<i>5.391</i>		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7599818	314/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	14.720	14.150	1.413	1.413	-	1.314	99	99	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7599813	326/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.068	11.068	181	181	-	181	-	-	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
3	Trụ sở hành chính xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn	7587761	294/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	14.559	14.559	618	618	-	618	-	-	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trụ sở hành chính xã Tam Giang, huyện Năm Căn	7549971	292/QĐ-SXD ngày 29/10/2015; 110/QĐ-SXD ngày 10/5/2019 (đ/c)	13.170	13.170	-	-	1.324	-	1.324	1.324	Triển khai các hạng mục phát sinh đã được phê duyệt. Đồng thời, điều chỉnh KHV trung hạn 2016-2020 từ 10.450 triệu đồng lên 11.774 triệu đồng (không vượt TMDT được duyệt).	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Trụ sở hành chính xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7572045	146/QĐ-SXD ngày 20/6/2016	12.448	12.448	21	21	-	21	-	-	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở hành chính xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7581600	224/QĐ-SXD ngày 22/8/2016	8.444	8.444	198	198	1.300	-	1.498	1.498	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trụ sở hành chính xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển	7593870	293/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	13.195	13.195	2.370	2.370	-	1.900	470	470	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
8	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	7563785	324/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.981	14.981	-	-	2.000	-	2.000	2.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân



TT		Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trong đó: vốn xố số kiến thiết
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
9	Trụ sở hành chính xã Định Bình, thành phố Cà Mau	7601093	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.054	8.054	10	10	-	10	-	-	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
E	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					1.054	1.054	-	4	1.050	1.050	Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai	
<i>1</i>	<i>Phân khai kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư</i>					<i>1.054</i>	<i>1.054</i>	-	<i>4</i>	<i>1.050</i>	<i>1.050</i>		
1	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	7682980	1769/QĐ-UBND ngày 25/10/2017			1	1	-	1	-	-	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1774/QĐ-UBND ngày 26/10/2017			50	50			50	50	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình		1174/QĐ-UBND ngày 13/8/2015			1.000	1.000	-	-	1.000	1.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
4	Công trình đầu tư xây dựng Saletel cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7664416	1655/UBND-XD ngày 30/10/2015			3	3	-	3	-	-	Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	
G	DỰ PHÒNG					8	8	-	8	-	-		
1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2017					8	8	-	8	-	-	Các đơn vị trường học	
H	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN					562	562	-		562	562	Sở Tài chính phân khai cho các công trình đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn	

Số: /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2019

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019
và kế hoạch vốn đầu công năm 2018 chuyển sang năm 2019
(các nguồn vốn tỉnh quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày.../6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 (các nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); Báo cáo thẩm tra số.../BC-HĐND ngày.../7/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Chín đã thảo luận và thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 chuyển sang năm 2019 của tỉnh Cà Mau kèm theo các phụ biểu số 01, 02, 03, 04.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày.....tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ BIỂU SỐ 01
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng.

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			6.099.791	2.806.305	3.939.371	2.097.088	813.438	697.438	513.249	65.771	65.771	513.249		
A	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN			1.564.293	204.573	653.760	140.760	106.128	46.128	26.342	11.497	-	37.839		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			1.479.748	120.028	607.993	119.993	99.928	44.928	19.042	11.497	-	30.539		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau	7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	33.580	33.580	15.844	15.844	4.000			4.000		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948	28.290	28.290	3.500	3.500	5.000			5.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	25.000	26.623	26.623	12.126	12.126	6.000	8.497		14.497	Đổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành hạng mục công trình công Kênh 25 và thanh toán chi phí khác. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn 2016-2020 từ 25.000 triệu đồng tăng lên 26.623 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	12.000	500.000	12.000	55.000	-	3.000			3.000	Bổ sung vốn để chi trả bồi thường, GPMB	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	12.500	12.500	12.500	11.458	11.458	1.042			1.042		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2 (Ngân sách tỉnh bổ trợ đất trồng 07 tỷ đồng tại Công văn số 6460/UBND-XD ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh)	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000	7.000	7.000	2.000	2.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			84.545	84.545	45.767	20.767	6.200	1.200	7.300	-	-	7.300		
1	Công trình đầu tư rừng giàng, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867	7.867	7.867			2.000			2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.358	75.358	36.600	11.600	6.200	1.200	4.000			4.000		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
3	Nhà làm việc Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	7744369	431/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	1.320	1.320	1.300	1.300			1.300			1.300		Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
B	GIAO THÔNG			2.480.416	921.308	1.705.503	377.751	187.245	131.245	78.680	24.000	-	102.680		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			2.411.051	851.943	1.636.138	308.386	187.045	131.045	65.680	24.000	-	89.680		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	89.981	89.981	31.045	31.045	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc)	7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	593.000	1.421.792	160.000	100.000	100.000	45.000			45.000		Sở Giao thông Vận tải

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tác Thủ - Ván Đá Bạc)	7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	657.270	113.550	3.800	3.800	-	-	3.800			3.800	Sở Giao thông vận tải	
4	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dẫn sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án LRAMP	7737506	596/QĐ-BTL ngày 04/4/2017	2.687	2.687	1.880	1.880	-	-	1.880			1.880	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông nối từ đường Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm	7498224	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	115.525	37.725	103.685	37.725	56.000			19.000		19.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành. Đồng thời điều chỉnh KHV trung hạn giai đoạn 2016-2020 bố trí cho dự án tăng từ 8.300 triệu đồng lên 37.725 triệu đồng theo cơ cấu nguồn vốn được phê duyệt	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Tuyến đường vào Khu cấn cũ Huyện ủy huyện Thới Bình	7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000	15.000	15.000	-	-	5.000	5.000		10.000	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
II Dự án khởi công mới năm 2019				69.365	69.365	69.365	69.365	200	200	13.000	-	-	13.000		
1	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964	14.964	14.964	200	200	5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
2	Cầu qua sông Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401	54.401	54.401			8.000			8.000	Bổ sung vốn để triển khai gói thầu xây lắp	Ban QLDA xây dựng công trình Giao thông
C HẠ TẦNG ĐÔ THỊ				442.455	437.393	331.614	331.614	73.889	73.889	77.087	2.425	-	79.512		
I Dự án chuyển tiếp				382.701	377.639	271.860	271.860	73.889	73.889	61.087	2.425	-	63.512		
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Quảng trường văn hóa trung tâm tỉnh Cà Mau	7004105	620/QĐ-UBND ngày 26/4/2013; 1674/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	124.200	123.502	36.853	36.853	25.000	25.000	11.853			11.853	Sở Giao thông vận tải	
2	Cầu qua sông Tác Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301	172.171	172.171	19.838	19.838	30.000			30.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đoi Vàm. ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến công Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7544671	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644	39.280	39.280	39.280	20.229	20.229	10.000	2.425		12.425	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7608568	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694	8.694	8.694	4.822	4.822	3.872			3.872	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
5	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862	14.862	14.862	4.000	4.000	5.362			5.362	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
II Dự án khởi công mới năm 2019				59.754	59.754	59.754	59.754	-	-	16.000	-	-	16.000		
1	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tài chính đến cầu Đền thờ Bác Hồ)	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886	10.886	10.886			4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Cốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huế), huyện Ngọc Hiển	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310	8.310	8.310			4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Dự án đường đầu nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	7565716	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558	40.558	40.558			8.000			8.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
D HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP				475.623	127.363	112.046	112.046	55.359	55.359	28.687	5.541	-	34.228		
I Dự án chuyển tiếp				475.623	127.363	112.046	112.046	55.359	55.359	28.687	5.541	-	34.228		
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Khu Kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7457160	1505/QĐ-UBND ngày 07/10/2014	386.956	38.696	28.296	28.296	-	-	10.296			10.296	Ban Quản lý Khu kinh tế	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)	Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD												
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 1)	7563746	1392/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	48.764	48.764	43.888	43.888	26.000	26.000	13.323	5.541	18.864	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 7.888 triệu đồng; đã điều chỉnh bổ sung 5.435 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau). Nay bổ sung thêm 5.541 triệu đồng để thanh toán khối lượng hoàn thành. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 43.888 triệu đồng lên 44.864 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Ban Quản lý Khu kinh tế			
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	7565739	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	13.841	13.800	13.800	9.000	9.000	2.378		2.378	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 4.800 triệu đồng; đã điều chỉnh giảm 2.422 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)	Ban Quản lý Khu kinh tế			
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Khánh An (hạng mục hệ thống thoát nước đường N1)	7320310	939/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 119/QĐ-SXD ngày 23/5/2016	26.062	26.062	26.062	26.062	20.359	20.359	2.690		2.690	KH vốn bố trí đầu năm 2019 là 5.703 triệu đồng; đã điều chỉnh giảm 3.013 triệu đồng (tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau)	Ban Quản lý Khu kinh tế			
E KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG				75.864	74.333	64.916	63.385	27.380	27.380	20.651	2.800	-	23.451				
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>				<i>68.936</i>	<i>67.405</i>	<i>57.988</i>	<i>56.457</i>	<i>27.180</i>	<i>27.180</i>	<i>17.151</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>17.151</i>				
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm ứng dụng khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái nước ngọt	7472270	1139/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	29.473	29.473	18.525	18.525	9.740	9.740	8.785		8.785		Sở Khoa học và Công nghệ			
2	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020	7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990	26.521	24.990	9.990	9.990	5.000		5.000		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau			
3	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942	12.942	12.942	7.450	7.450	3.366		3.366		Sở Thông tin và Truyền thông			
<i>II Dự án khởi công mới năm 2019</i>				<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>6.928</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	<i>3.500</i>	<i>2.800</i>	<i>-</i>	<i>6.300</i>				
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"	7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928	6.928	6.928	200	200	3.500	2.800	6.300	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác QLNN về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường			
G KHỞI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC				803.389	798.853	715.558	715.558	227.547	227.547	162.882	7.696	1.574	169.004				
<i>I Dự án chuyển tiếp</i>				<i>565.168</i>	<i>560.632</i>	<i>487.316</i>	<i>487.316</i>	<i>225.770</i>	<i>225.770</i>	<i>98.156</i>	<i>-</i>	<i>1.574</i>	<i>96.582</i>				
1	Trụ sở liên cơ quan huyện Phú Tân giai đoạn 3	7275486	1057/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	53.569	53.569	36.087	36.087	27.087	27.087	9.167		9.167		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân			
2	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	29.178	29.178	22.845	22.845	6.333		6.333		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227	389.000	389.000	151.238	151.238	75.883		75.883		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
4	Trụ sở làm việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, huyện Năm Căn	7567508	143/QĐ-SXD ngày 16/6/2016	6.860	6.860	6.174	6.174	4.600	4.600	1.574	1.574	-	Đã quyết toán dự án hoàn thành, không có nhu cầu giải ngân vốn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
5	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510	12.510	12.510	8.000	8.000	3.259		3.259		Ủy ban nhân dân huyện U Minh			
6	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND - UBND huyện Trần Văn Thời	7610808	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	14.637	14.367	14.367	12.000	12.000	1.940		1.940		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
<i>II Dự án khởi công mới năm 2019</i>				<i>238.221</i>	<i>238.221</i>	<i>228.242</i>	<i>228.242</i>	<i>1.777</i>	<i>1.777</i>	<i>64.726</i>	<i>7.696</i>	<i>-</i>	<i>72.422</i>				
1	Xây dựng mới công, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau	7705952	597/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; 122/QĐ-SXD ngày 15/5/2019 (đ/c)	1.652	1.652	1.489	1.489	-	-	826	663	1.489	Bổ sung vốn thanh toán phần phát sinh. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 1.400 triệu đồng lên 1.489 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KH vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
2	Mở rộng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	7655288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017	2.534	2.534	2.500	2.500	-	-	2.400			2.400	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908	14.433	14.433	577	577	5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.617	8.617	8.617	8.617	200	200	4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
5	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	7679836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897	14.897	14.897	-	-	4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
6	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.557	13.557	13.557	13.557			8.000			8.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
7	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920	14.920	14.920	200	200	5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
8	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485	14.485	14.485			4.000	2.000		6.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
9	Hội trường và Khối đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7724751	400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742	7.742	7.742	200	200	3.500	3.033		6.533	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
10	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285	7.285	7.285	200	200	3.000	2.000		5.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
11	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554	4.554	4.554	200	200	2.000			2.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
12	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930	14.930	14.930			4.000			4.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
13	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	7673320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	36.415	36.415	200	200	10.000			10.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
14	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704	14.704	14.704			4.000			4.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
15	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	7573814	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127	57.714	57.714			5.000			5.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
H	AN NINH - QUỐC PHÒNG			257.751	242.483	143.714	143.714	58.068	58.068	61.153	10.862	12.872	59.143		
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			161.462	146.194	55.391	55.391	31.391	31.391	24.000	-	-	24.000		
a)	Dự án chuyển tiếp			161.462	146.194	55.391	55.391	31.391	31.391	24.000	-	-	24.000		
1	Sở Chỉ huy thông nhất, tỉnh Cà Mau	7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927	41.400	41.400	21.400	21.400	20.000			20.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn (Ngân sách địa phương hỗ trợ 15.267 tỷ đồng)	7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267	13.991	13.991	9.991	9.991	4.000			4.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			79.583	79.583	71.697	71.697	24.869	24.869	22.653	8.948	8.872	22.729		
a)	Dự án chuyển tiếp			49.886	49.886	44.970	44.970	24.869	24.869	12.653	8.948	8.872	12.729		
1	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019 (d/c)	49.157	49.157	44.241	44.241	24.869	24.869	3.128	8.872		12.000	Bổ sung thêm 8.872 triệu đồng từ nguồn dự phòng để triển khai đầu tư các trụ sở làm việc công an xã. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 30.127 triệu đồng lên 44.241 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Công an tỉnh Cà Mau
2	Phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Đồn Công an Đất Mới, huyện Ngọc Hiển	7004692	2132/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; 211/QĐ-UBND ngày 08/02/2018; 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2019	729	729	729	729			653	76		729	Bổ sung vốn để chi trả bồi thường, GPMB (Phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2019)	Công an tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD do tỉnh quản lý trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		KII vốn NSTT&NTSDD Đ năm 2019	Điều chỉnh KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019		KH vốn NSTT&NTSDD năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)				Giảm (-)
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
3	Dự phòng								8.872		8.872		Điều chỉnh giảm để bổ sung cho Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã		
<i>b)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>		29.697	29.697	26.727	26.727	-	-	10.000	-	-	10.000			
1	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	1821/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697	26.727	26.727	-	-	10.000		10.000		Công an tỉnh Cà Mau	
3	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			16.706	16.706	16.626	16.626	1.808	1.808	14.500	1.914	4.000	12.414		
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			11.710	11.710	11.630	11.630	1.448	1.448	8.000	914	-	8.914		
1	Dự án đóng mới 02 tàu phục vụ hoạt động các lực lượng trên đảo Hòn Khoai	7004686	525/QĐ-SXD ngày 21/10/2016	5.230	5.230	5.230	5.230	962	962	3.000		3.000		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
2	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi	7004686	392/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	6.480	6.480	6.400	6.400	486	486	5.000	914		5.914	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
<i>b)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			4.996	4.996	4.996	4.996	360	360	6.500	1.000	4.000	3.500		
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến	7004686	251/QĐ-SXD ngày 13/6/2017	4.996	4.996	4.996	4.996	360	360	2.500	1.000		3.500	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
2	Dự phòng								4.000		4.000	-			
K	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					2.392	2.392	-	-	1.442	950	-	2.392		
1	Bờ kè từ công Rạch Răng đến trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời	7635201	221/QĐ-SXD ngày 25/5/2017			152	152			152			152	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
2	Cầu Xóni Ruộng, huyện Đầm Dơi	7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
3	Dự án đầu tư, mở rộng đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Hòa Trung)	7649232	1880/UBND-XD ngày 13/3/2017			205	205			205			205	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Ngọc Hiển (nối dài), huyện Phú Tân	7603666	1807/UBND-XD ngày 30/10/2017			235	235			235			235	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
5	Dự án đầu tư xây dựng cầu bắc qua sông Cái Tàu, huyện U Minh	7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016			50	50			50			50	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
6	Dự án đầu tư xây dựng mới cầu Trảng Cò và cầu Rạch Ruộng, huyện Trần Văn Thời	7650354	15/HĐND-TT ngày 23/01/2017			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
7	Dự án đầu tư nạo vét sông Cái Tàu, huyện U Minh	7597290	1864/QĐ-UBND ngày 28/10/2016			200	200			200			200	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau	
8	Dự án đầu tư xây dựng Khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)		1646/QĐ-UBND ngày 27/9/2016			200	200			200			200	Sở Khoa học và Công nghệ	
9	Dự án đầu tư xây dựng môi số công trình tại các Trạm Kiểm soát biên phòng Đá Bạc, Bồ Đề, Hố Gù và Khánh Hội		1758/QĐ-UBND ngày 30/10/2018			950	950				950		950	Bổ sung vốn thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
L	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỐN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN					28.453	28.453	20.453	20.453	5.000			5.000	Sở Tài chính phân khai thực hiện	
M	DỰ PHÒNG					181.415	181.415	57.369	57.369	51.325		51.325		Giảm nguồn dự phòng để bổ sung vốn cho các dự án khác	

PHỤ BIỂU SỐ 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			5.245.117	2.219.610	2.170.459	2.121.760	705.977	705.977	763.212	63.708	63.708	763.212		
A	LĨNH VỰC Y TẾ			1.203.366	651.537	510.813	490.813	219.668	219.668	164.320	10.210	930	173.600		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			1.070.482	538.653	386.549	386.549	219.068	219.068	119.320	10.210	930	128.600		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	202.496	202.496	121.368	121.368	111.638	111.638	10.000		930	9.070	Cần vướng GPMB	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018	474.268	128.011	61.883	61.883	45.883	45.883	16.000			16.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Bệnh viện đa khoa huyện Ngọc Hiển	7002173	1761/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	136.965	35.000	35.000	35.000			25.000	10.000		35.000	Bổ sung vốn để triển khai các gói thầu hoàn thành trong năm 2019	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau (Ngân sách trung ương hỗ trợ 56.946 triệu đồng)	7570996	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.956	59.087	59.087	59.087	1.700	1.700	30.000			30.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407	43.566	43.566	18.822	18.822	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
6	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	67.383	60.645	60.645	60.645	38.325	38.325	22.320			22.320		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
7	Sửa chữa một số hạng mục công trình tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7644558	432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.007	5.007	5.000	5.000	2.700	2.700	1.000	210		1.210	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
11	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			132.884	112.884	124.264	104.264	600	600	45.000			45.000		
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020			113.527	93.527	104.907	84.907	600	600	27.000			27.000		
	<i>Trong đó:</i>														
1.1	<i>Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020</i>	7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198	77.578	77.578	300	300	20.000			20.000	Phân khai bỏ từ dự phòng lĩnh vực y tế	Bệnh viện đa khoa Cà Mau
1.2	<i>Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2016-2020</i>	7684304	1315/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	27.329	7.329	27.329	7.329	300	300	7.000			7.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống máy lạnh trung tâm, khí sạch phòng mổ, mở rộng Khoa Hồi sức tích cực và chống độc, mua máy lọc thận nhân tạo	7708611	1228/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	19.357	19.357	19.357	19.357			18.000			18.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			729.585	724.237	722.505	722.505	201.954	201.954	272.360	8.600	4.761	276.199		
1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			140.028	134.680	132.948	132.948	73.690	73.690	51.360	4.000	1.261	54.099		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
1	Khối 10 phòng học và Khu hiệu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675	14.675	14.675	9.380	9.380	5.295		5.295		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau	7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	53.479	48.131	48.131	48.131	38.310	38.310	9.821	1.261	8.560	Điều chỉnh thay đổi thiết kế tiết giảm chi phí đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Xây dựng và sửa chữa Trường THCS - THPT Vàm Đình, huyện Phú Tân	7618679	1814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	17.325	17.325	15.593	15.593	4.000	4.000	11.593		11.593		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651	13.651	13.651	8.500	8.500	5.151		5.151		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
5	Trường THCS Trần Quốc Toàn, xã Thanh Phú, huyện Cái Nước	7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930	14.930	14.930	14.930	4.000	4.000	5.000	4.000	9.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ công trình	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
6	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998	14.998	14.998	4.000	4.000	10.000		10.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
7	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970	10.970	10.970	5.500	5.500	4.500		4.500		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
II	Dự án khởi công mới năm 2019			589.557	589.557	589.557	589.557	128.264	128.264	221.000	4.600	3.500	222.100		
1	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển đạt chuẩn quốc gia	7712842	1760/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	16.031	16.031	16.031	16.031			5.000		5.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Đầu tư xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia	Nhiều công trình		573.526	573.526	573.526	573.526	128.264	128.264	216.000	4.600	3.500	217.100		
	<i>Trang đó:</i>														
2.1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	7707936	307/QĐ-SXD ngày 19/10/2018	7.178	7.178	7.178	7.178	-	-	6.000	700	6.700	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.2	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864	14.864	14.864	-	-	12.000		12.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.3	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	22.898	22.898	20.690	20.690	-	-	15.000	1.000	14.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.4	Trường THPT Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	7718858	310/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	11.352	11.352	11.352	11.352	-	-	9.000	1.000	10.000	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.5	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272	13.272	13.272	-	-	11.000		11.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
2.6	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	7749540	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678	13.678	13.678	-	-	10.000		10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.7	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	7728614	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999	12.999	12.999	-	-	9.000		9.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.8	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, huyện Cái Nước	7743388	397/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.994	14.994	14.994	14.994	-	-	10.000		10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2.9	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2, xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước	7737099	4014/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.312	7.312	7.312	7.312	-	-	5.000		5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước (theo Công văn số 8374/UBND-XD ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Cà Mau)	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
2.10	Trường Mầm non Sao Mai, huyện Năm Căn	7738938	509/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.990	14.990	14.990	14.990		10.000			10.000	Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn (theo Công văn số 8799/UBND-XD ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh Cà Mau)		
2.11	Trường Trung học cơ sở Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	7742164	344/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	12.920	12.920	12.920	12.920		9.000			9.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
2.12	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.857	11.857	11.857	11.857		9.000			9.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
2.13	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7748378	399/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	14.970	14.970	14.970	14.970		12.000	2.900		14.900	Bổ sung thanh toán khối lượng hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
2.14	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.484	5.484	5.484	5.484		5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
2.15	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.609	12.609	12.609	12.609		10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
2.16	Trường Trung học cơ sở Việt Khái, huyện Phú Tân	7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925	9.925	9.925		9.000			9.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2.17	Trường Trung học cơ sở Đặng Tấn Triệu, huyện Phú Tân	7724329	298/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	11.190	11.190	11.190	11.190		10.000			10.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2.18	Trường Trung học cơ sở Tân Lộc Bắc, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	7721528	345/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	8.114	8.114	8.114	8.114		7.000		500	6.500	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.19	Trường Trung học cơ sở Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình	7724331	368/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.699	14.699	14.699	14.699		13.000		1.000	12.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.20	Trường Trung học cơ sở Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693	14.693	14.693		12.000			12.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
2.21	Trường Trung học cơ sở Biển Bạch, huyện Thới Bình	7724330	357/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.099	14.099	14.099	14.099		13.000		1.000	12.000	Do giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2.22	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhị, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	7741354	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.742	14.742	14.742	14.742		5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
2.23	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112	14.112	14.112		5.000			5.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI			169.213	145.856	141.399	117.135	60.355	60.355	47.221	7.398	18.852	35.767		
I	Dự án chuyển tiếp			149.492	126.135	126.228	101.964	59.776	59.776	39.790	2.398	18.805	23.383		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)	7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	20.216	20.216	15.430	15.430	4.786		4.786	-	Vương GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Dự án đầu tư "Mua sắm trang thiết bị hệ thống sản xuất chương trình phát thanh truyền hình chuẩn HD"	7664967	1804/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	35.045	33.045	35.045	32.138	15.000	15.000	14.740	2.398		17.138	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện hoàn thành theo dự án. Đồng thời điều chỉnh KHV ĐTC trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ 29.740 triệu đồng lên 32.138 triệu đồng (trong phạm vi tổng mức đầu tư được duyệt)	Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau
3	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau (NSTW hỗ trợ 10 tỷ đồng)	7618943	395/QĐ-SXD ngày 02/10/2017	12.460	1.460	12.460	1.460	-	-	1.460			1.460	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
4	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tích ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	43.365	43.365	29.346	29.346	14.019		14.019	-	Do điều chỉnh tổng mặt bằng, điều chỉnh thiết kế, điều kiện thi công khó khăn	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Trần Văn Thời (Ngân sách tỉnh đầu tư nền đất, phủ diêu)	7011808	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	15.142	4.785	15.142	4.785			4.785			4.785		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
II Dự án khởi công mới năm 2019				19.721	19.721	15.171	15.171	579	579	7.431	5.000	47	12.384		
1	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	7682980	55/QĐ-SXD ngày 05/4/2018	1.511	1.511	1.511	1.511	79	79	1.431		47	1.384	Do không sử dụng khoản dự phòng công trình, chỉ thanh toán thực tế theo khối lượng hoàn thành nên đề nghị giảm 47 triệu đồng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210	13.660	13.660	500	500	6.000	5.000		11.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
D LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				3.142.953	697.980	430.769	426.334	180.382	180.382	185.263	22.500	31.000	176.763		
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới			389.212	249.746	247.591	243.156	110.332	110.332	93.020	17.000	-	110.020		
a) Dự án chuyển tiếp				344.862	209.831	203.241	203.241	110.132	110.132	84.020	-	-	84.020		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển (Hạng mục đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Điều xã Tân Ân)	7003165	222/QĐ-UBND ngày 06/02/2015; 1049/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	112.601	31.942	31.942	31.942	22.042	22.042	9.900			9.900		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (doan từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990	71.990	71.990	46.990	46.990	20.000			20.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Điều, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889	14.889	14.889	14.889	5.500	5.500	9.300			9.300		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7657727	580/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	10.145	10.145	10.145	10.145	4.000	4.000	6.145			6.145		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
5	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7640724	392/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2017	14.958	14.958	14.958	14.958	4.600	4.600	10.358			10.358		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7638797	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.164	44.164	39.748	39.748	27.000	27.000	12.748			12.748		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
7	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	21.743	21.743	19.569	19.569			15.569			15.569		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b) Dự án chuyển tiếp				44.350	39.915	44.350	39.915	200	200	9.000	17.000	-	26.000		
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời	7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.350	39.915	44.350	39.915	200	200	9.000	17.000		26.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ dự án	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu				2.753.741	448.234	183.178	183.178	70.050	70.050	92.243	5.500	31.000	66.743		
a) Dự án chuyển tiếp				1.593.364	418.474	165.994	165.994	70.050	70.050	83.343	5.500	23.500	65.343		
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343	11.343	11.343	8.000	8.000	3.343			3.343		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau	7006150; 7006177	Nhiều Quyết định	252.480	252.480	-	-	14.750	14.750	15.000	5.500	5.500	15.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
Trong đó riêng:															

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch trung hạn đã giao giai đoạn 2016 - 2018		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019	Điều chỉnh KHV XSKT năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2019 sau điều chỉnh	Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
2.1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời	7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711			14.750	14.750	7.000		7.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
2.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh	7006150	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083	63.083					8.000	5.500	2.500	Do thay đổi thiết kế và cắt giảm một số hạng mục đầu tư	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
2.3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân	7006162	1341/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	69.701	69.701					4.200		4.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành các gói thầu đang triển khai thi công	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
2.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	46.985					1.300		1.300	Thanh toán khối lượng hoàn thành các gói thầu đang triển khai thi công	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
3	Dự án đầu tư xây dựng Kê cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651	64.651	64.651	28.000	28.000	30.000		30.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
4	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đê phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000	90.000	90.000	19.300	19.300	35.000	18.000	17.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<i>h)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			<i>1.160.377</i>	<i>29.760</i>	<i>17.184</i>	<i>17.184</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>8.900</i>	<i>-</i>	<i>7.500</i>	<i>1.400</i>		
1	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	929.412	1.200	900	900	-	-	900		900		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đổi ứng Dự án "Kế hoạch bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức		5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	28.560	16.284	16.284	-	-	8.000	7.500	500		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
E	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					2.727	2.727	-	-	2.727	-	2.727		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai	
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng XIV - Nam Cà Mau		323/QĐ-UBND ngày 20/5/2004			892	892			892		892		Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng 1 - Bắc Cà Mau		1750/UBND-XD ngày 21/5/2009			197	197			197		197		Sở Nông nghiệp và PTNT	
3	Dự án đầu tư xây dựng đê biển Đông tỉnh Cà Mau		1600/UBND-XD ngày 17/10/2011			317	317			317		317		Sở Nông nghiệp và PTNT	
4	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè chống sạt lở khu du lịch Khai Long, huyện Ngọc Hiển		3054/UBND-XD ngày 20/8/2008			72	72			72		72		Sở Nông nghiệp và PTNT	
5	Dự án đầu tư xây dựng đê cửa sông Bảy Háp		1089/UBND-XD ngày 29/3/2011			96	96			96		96		Sở Nông nghiệp và PTNT	
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm thủy sản thuộc Trường cao đẳng Cộng đồng Cà Mau		1317/UBND-XD ngày 09/9/2015			31	31			31		31		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Cà Mau	
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình nạo vét cửa biển Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân		1820/QĐ-UBND ngày 24/10/2016			410	410			410		410		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT Cà Mau	
8	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		1764/QĐ-UBND ngày 24/10/2017			712	712			712		712		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
G	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN					5.512	5.512	4.304	4.304	15.000	15.000	30.000	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng cho các dự án sau quyết toán, đẩy nhanh tất toán các dự án	Sở Tài chính phân khai sử dụng	
H	DỰ PHÒNG (10%)					356.734	356.734	39.314	39.314	76.321	8.165	68.156			

PHỤ BIỂU SỐ 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2018 SANG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	19
	TỔNG SỐ			783.034	511.043	228.958	223.948	7.163	7.163	2.958	2.958	7.163	7.163		
I	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559	-	559	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	12.500	12.500	12.500	559	559		559	-	-		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	GIAO THÔNG			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430	-	430	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430	-	430	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2015			123.574	115.101	3.771	3.771	430	430		430	-	-		
1	Cầu Rạch Ruộng Nhỏ, huyện Trần Văn Thời	7006700	966/QĐ-UBND ngày 18/6/2008; 1307/QĐ-UBND ngày 25/8/2011	123.574	115.101	3.771	3.771	430	430		430	-	-		Sở Giao thông vận tải
III	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933	-	933	-	-		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	12.942	12.900	12.900	933	933		933	-	-		Sở Thông tin và Truyền thông
IV	VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900		
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh hạ	7047679	1445/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 325/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	95.118	30.471	30.324	30.324	782	782	1.118		1.900	1.900	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
V	KHỐI ĐĂNG, NHÀ NƯỚC			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tang (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD										
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			59.075	48.414	35.292	30.282	103	103	1.840	103	1.840	1.840		
1	Trụ sở Hội Nông dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau	7463318	1657/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	39.882	34.231	16.099	16.099	103	103		103	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường và Đội Quản lý thị trường thành phố Cà Mau	7567509	1868/QĐUBND ngày 28/10/2016	19.193	14.183	19.193	14.183			1.840		1.840	1.840	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
VI AN NINH - QUỐC PHÒNG				291.615	291.615	101.437	101.437	2.596	2.596			2.596	2.596		
* Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư				240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			240.492	240.492	54.134	54.134	1.994	1.994			1.994	1.994		
1	Trụ sở xã đội, phường đội, thị đội trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004686	112/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 (điều chỉnh)	109.565	109.565	12.734	12.734	1.985	1.985			1.985	1.985		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Sở Chỉ huy thông nhất, tỉnh Cà Mau (chỉ triển khai các hạng mục công trình trong phạm vi kế hoạch vốn bổ trợ)	7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927	41.400	41.400	9	9			9	9		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
* Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư				33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			33.475	33.475	30.127	30.127	577	577	-	-	577	577		
1	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	33.475	33.475	30.127	30.127	577	577			577	577		Công an tỉnh Cà Mau
* Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư				17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			17.648	17.648	17.176	17.176	25	25			25	25		
1	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Cốc	7004686	40/QĐ-SXD ngày 23/3/2016	6.456	6.456	6.400	6.400	10	10			10	10		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
2	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Sông Đốc	7004686	325/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	5.286	5.286	4.870	4.870	11	11			11	11		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
3	Nhà ở chiến sỹ mới Đội huấn luyện thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	7004686	334/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	5.906	5.906	5.906	5.906	4	4			4	4		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
IX VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						32.734	32.734	662	662	-	1	661	661		Số Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh
1	03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh Ủy	7673320	30/QĐ-HĐND ngày 27/12/2017					1	1		1	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		1764/QĐ-UBND ngày 24/10/2017					200	200			200	200		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước		1323/QĐ-UBND ngày 27/7/2017					80	80			80	80		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Dự án đầu tư xây dựng khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ (giai đoạn 3)	7693905	1646/QĐ-UBND ngày 27/9/2016					55	55			55	55		Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch vốn năm: 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh KHV năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chi đầu tư
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSĐĐ										
5	Nâng cấp tuyến đường từ cầu 7 Kênh (tuyến kênh 18) đến điểm du lịch sinh thái sông Trẹm	7639406	1418/QĐ-UBND ngày 18/8/2017					11	11			11	11		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông Cà Mau
6	Dự án Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2018 - 2020		1801/QĐ-UBND ngày 30/10/2017					200	200			200	200		Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Dự án Trụ sở Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau		372/UBND-MT ngày 30/01/2011					100	100			100	100		Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	7626030	1803/QĐ-UBND ngày 30/10/2017					15	15			15	15		Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
X	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN							1.098	1.098	-	932	166	166		

PHỤ BIỂU SỐ 04

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2018 CHUYỂN SANG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh muc dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xổ sổ kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xổ sổ kiến thiết		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
1	2	3	4	5	6	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ			4.525.476	1.297.116	50.152	50.152	9.309	9.309	50.152	50.152		
	I LĨNH VỰC Y TẾ			921.899	250.587	3.768	3.768	-	215	3.553	3.553		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			816.528	170.303	1.276	1.276	-	215	1.061	1.061		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			816.528	170.303	1.276	1.276	-	215	1.061	1.061		
1	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 (đ/c)	474.268	112.011	16	16		16	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Đầm Dơi	7003533	1930/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	181.312	4.961	199	199		199	-	-		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Bệnh viện đa khoa khu vực Năm Căn	7008896	1925/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	160.948	53.331	1.061	1.061	-	-	1.061	1.061		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			105.371	80.284	2.492	2.492	-	-	2.492	2.492		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			105.371	80.284	2.492	2.492	-	-	2.492	2.492		
1	Mua sắm hệ thống chụp mạch xóa nền DSA cho Bệnh viện đa khoa Cà Mau (trong đó nguồn thu từ viện phí, phí dịch vụ y tế: 2,5 tỷ đồng, còn lại là vốn NSNN)	7580551	1399/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	37.988	19.639	771	771	-	-	771	771		Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	67.383	60.645	1.721	1.721	-	-	1.721	1.721		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
	B LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			243.215	243.215	2.964	2.964	1.318	1.634	2.648	2.648		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			162.968	162.968	-	-	1.318	-	1.318	1.318		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			162.968	162.968	-	-	1.318	-	1.318	1.318		
1	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau (cơ sở 2)	7034499	1870/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	162.968	162.968			1.318		1.318	1.318	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hạng mục: đường tam, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, PCCC, chống sét. Đồng thời, điều chỉnh KH vốn XSKT trung hạn giai đoạn 2016-2020 của Dự án ban đầu từ 9.359 triệu đồng lên 12.035 triệu đồng (không vượt TMBT được duyệt).	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số			Trong đó: vốn xố số kiến thiết
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			80.247	80.247	2.964	2.964	-	1.634	1.330	1.330		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			80.247	80.247	2.964	2.964	-	1.634	1.330	1.330		
1	Khởi 10 phòng học và khu hiệu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7618680	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675	14.675	100	100	-	100	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7653357	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651	13.651	1.525	1.525	-	1.525	-	-	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	7668831	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998	14.998	93	93	-	-	93	93		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970	1.102	1.102	-	-	1.102	1.102		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	Nhiều Quyết định	17.200	17.200	9	9	-	9	-	-		Các đơn vị trường học được bổ trí vốn sửa chữa
6	Sửa chữa, cải tạo công trình trụ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau thành Trường THPT Nguyễn Việt Khải	7677018	427/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	8.753	8.753	135	135	-	-	135	135		Sở Giáo dục và Đào tạo
C LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI				276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			276.174	109.710	9.281	9.281	-	2.880	6.401	6.401		
1	Đền thờ 10 Anh hùng liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	7231951	1867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	40.886	40.886	99	99	-	-	99	99		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Đổi ứng Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau - giai đoạn 2 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		905/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	185.885	19.421	-	-	-	-	-	-		Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất phân khai chi tiết
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	9.173	9.173	-	2.871	6.302	6.302		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Sửa chữa một phần khán đài B thuộc sân vận động tỉnh làm nhà nghỉ cho vận động viên năng khiếu	7655289	430/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	2.535	2.535	9	9	-	9	-	-		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
D LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU				3.084.188	693.604	32.515	32.515	7.991	4.568	35.938	35.938		
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới			708.565	350.473	7.601	7.601	3.367	402	10.566	10.566		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			584.220	226.864	4.100	4.100	210	386	3.924	3.924		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			584.220	226.864	4.100	4.100	210	386	3.924	3.924		
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7008874	1310/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	114.749	50.750	505	505	210	-	715	715		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
2	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	7021553	1201/QĐ-UBND ngày 20/8/2008; 1044/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	249.113	93.232	2.649	2.649	-	-	2.649	2.649		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	7021576	295/QĐ-UBND ngày 07/5/2007; 808/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	93.996	32.882	386	386		386	-	-		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	50.000	560	560	-	-	560	560		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			124.345	123.609	3.501	3.501	3.157	16	6.642	6.642		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			124.345	123.609	3.501	3.501	3.157	16	6.642	6.642		
1	Cầu qua sông Rạch Gốc, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7546546	1651/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	36.259	36.259	249	249	2.000	-	2.249	2.249	Thanh toán hạng mục điện chiếu sáng và mở rộng mặt đường	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Xây dựng mới cầu Nhà Diêu; duy tu, sửa chữa cầu Dinh Hạn trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7586950	457/QĐ-SGTVT ngày 14/9/2016	14.861	14.861	271	271	-	-	271	271		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Tuyến đường đèo nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889	14.889	989	989	-	-	989	989		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vịnh, huyện Năm Căn (xây dựng mới 03 cầu Xi Tec, Trung Đoàn, Công An)	7562293	1741/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; 1158/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	43.736	43.000	1.976	1.976	1.157		3.133	3.133	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Sửa chữa mặt đường BTCT hiện hữu, mở rộng 01 m đoạn từ Km5+600 - Km9+810 và bãi đậu xe tại xã Trần Phần thuộc dự án đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7555458	530/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	14.600	14.600	16	16	-	16	-	-		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
11	Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu			2.264.984	233.062	20.103	20.103	-	122	19.981	19.981		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020			1.464.481	122.938	6.483	6.483	-	122	6.361	6.361		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020			1.464.481	122.938	6.483	6.483	-	122	6.361	6.361		
1	Đổi ứng Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng X - Nam Cà Mau)	7148575	1055/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; 1498/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	705.700	46.595	6.250	6.250	-	-	6.250	6.250		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
2	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343	118	118	-	118	-	-		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
3	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau		Nhiều Quyết định	445.735	65.000	115	115	-	4	111	111	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó:</i>												
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh (Điểm dân cư vàm kênh Hương Mai)</i>	7006150	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083		4	4	-	4	-	-	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn</i>	7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985		111	111	-		111	111	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			800.503	110.124	13.620	13.620	-	-	13.620	13.620		
a)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020</i>			20.124	20.124	1.464	1.464	-	-	1.464	1.464		
1	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	295/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	20.124	20.124	1.464	1.464	-	-	1.464	1.464	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình phân khai	
b)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2020</i>			780.379	90.000	12.156	12.156	-	-	12.156	12.156		
1	Đổi ứng Tiểu Dự án 8 thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	780.379	90.000	12.156	12.156	-	-	12.156	12.156	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
III	Đề án xây dựng trụ sở hành chính cấp xã			110.639	110.069	4.811	4.811	4.624	4.044	5.391	5.391		
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020			110.639	110.069	4.811	4.811	4.624	4.044	5.391	5.391		
a)	<i>Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020</i>			110.639	110.069	4.811	4.811	4.624	4.044	5.391	5.391		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7599818	314/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	14.720	14.150	1.413	1.413	-	1.314	99	99	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7599813	326/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.068	11.068	181	181	-	181	-	-		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Trụ sở hành chính xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn	7587761	294/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	14.559	14.559	618	618	-	618	-	-	Giảm giá sau đấu thầu	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trụ sở hành chính xã Tam Giang, huyện Năm Căn	7549971	292/QĐ-SXD ngày 29/10/2015; 110/QĐ-SXD ngày 10/5/2019 (đ/c)	13.170	13.170	-	-	1.324	-	1.324	1.324	Triển khai các hạng mục phát sinh đã được phê duyệt. Đồng thời, điều chỉnh KHV trung hạn 2016-2020 từ 10.450 triệu đồng lên 11.774 triệu đồng (không vượt TMBT được duyệt).	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Trụ sở hành chính xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7572045	146/QĐ-SXD ngày 20/6/2016	12.448	12.448	21	21	-	21	-	-		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Cải tạo, nâng cấp trụ sở hành chính xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7581600	224/QĐ-SXD ngày 22/8/2016	8.444	8.444	198	198	1.300	-	1.498	1.498	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trụ sở hành chính xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển	7593870	293/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	13.195	13.195	2.370	2.370	-	1.900	470	470		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
8	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	7563785	324/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.981	14.981	-	-	2.000	-	2.000	2.000	Bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019		Kế hoạch vốn XSKT năm 2018 chuyển sang năm 2019 sau điều chỉnh		Ghi chú	Chủ đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết	Tăng (+)	Giảm (-)	Tổng số	Trong đó: vốn xố số kiến thiết		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								
9	Trụ sở hành chính xã Định Bình, thành phố Cà Mau	7601093	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.054	8.054	10	10	-	10	-	-		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
E	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					1.054	1.054	-	4	1.050	1.050		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai
1	<i>Phân khai kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư</i>					<i>1.054</i>	<i>1.054</i>	-	4	<i>1.050</i>	<i>1.050</i>		
1	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	7682980	1769/QĐ-UBND ngày 25/10/2017			1	1	-	1	-	-		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1774/QĐ-UBND ngày 26/10/2017			50	50			50	50		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình		1174/QĐ-UBND ngày 13/8/2015			1.000	1.000	-	-	1.000	1.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
4	Công trình đầu tư xây dựng Saletel cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7664416	1655/UBND-XD ngày 30/10/2015			3	3	-	3	-	-		Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau
G	DỰ PHÒNG					8	8	-	8	-	-		
1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh năm 2017					8	8	-	8	-	-		Các đơn vị trường học
H	THANH TOÁN KHÔI LƯỢNG TỒN DỌNG KHI QUYẾT TOÁN					562	562	-		562	562		Sở Tài chính phân khai cho các công trình đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn

